TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 1- LÂM ĐỒNG** TỈNH LÂM ĐỒNG Bản án số: **08**/2025/HNGĐ - ST Ngày: 31/7/2025 *V/v tranh chấp "*Ly hôn*"*	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1 - TỈNH LÂM ĐỒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên tòa: Bà **Hoàng Thị Phương Chi**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Nguyễn Minh Sơn**
2. Bà **Mai Lương Anh**

- Thư ký phiên toà: Ông **Nguyễn Thanh Quang-** Thư ký Toà án nhân dân Khu vực 1 **-** tỉnh Lâm Đồng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 1- tỉnh Lâm Đồng tham gia phiên tòa: Bà **Cao Thị Bích Hợp -** Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 7 năm 2025 tại trụ sở Toà án nhân dân Khu vực 1- Lâm Đồng, tỉnh Lâm Đồng; xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số: 183/2025/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 4 năm 2025 về tranh chấp "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 53/2025/QĐXXST - HNGĐ ngày 23/6/2025 và thông báo mở lại phiên toà số 93/TB-PT ngày 22/7/2025 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Tâm M, sinh năm: 1990, có mặt.

Địa chỉ: 51 Huyền Trân Công Chúa, Phường Xuân Hương- Đà Lạt, Lâm Đồng.

Bị đơn: Anh Lê Viết Th, sinh năm 1980. Vắng mặt

Địa chỉ: 226/19 Nguyễn Lương Bằng, Phường Xuân Hương- Đà Lạt, Lâm Đồng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Nguyên đơn Chị Nguyễn Thị Tâm M trình bày**:

Về quan hệ hôn nhân: Sau thời gian tìm hiểu khoảng 01 năm, chị và Anh Th quyết định tiến tới hôn nhân, không tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết hôn ngày 02/4/2021 tại Uỷ ban nhân dân Phường 4, Đà Lạt. Hôn nhân hoàn toàn tự nguyện. Sau khi kết hôn thì vợ chồng chung sống tại Phường 4, Đà Lạt, Lâm

Đồng là nhà bố mẹ đẻ của chị. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, khoảng 01 năm sau thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do Anh Th thường xuyên ăn nhậu, đánh đập vợ, xúc phạm gia đình vợ. Từ năm 2022 đến nay thì chị vẫn ở cùng bố mẹ đẻ của chị, còn Anh Th thì ra ở riêng chỉ thỉnh thoảng về lại nhà chị để thăm con. Vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2023 đến nay. Mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, không thể hàn gắn được nay chị xác định không còn tình cảm với Anh Th nữa nên chị đề nghị ly hôn với Anh Th.

Về con chung: Chị và Anh Th có 01 con chung tên Lê Nguyễn Phúc Kh, sinh ngày 07/5/2021. Hiện nay con đang ở với chị tại Phường 4, Đà Lạt, Lâm Đồng. Ly hôn chị yêu cầu được quyền trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung đến khi con thành niên. Chị yêu cầu Anh Th phải cấp dưỡng nuôi con số tiền 2.000.000đ/tháng.

Về tài sản chung: Chị và Anh Th không có tài sản chung, chị không yêu cầu Toà án giải quyết.

Về nợ chung: Vợ chồng không có nợ chung nên không yêu cầu Toà án giải quyết.

Bị đơn Anh Lê Viết Th trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Sau thời gian tìm hiểu khoảng gần 01 năm, anh và Chị M quyết định tiến tới hôn nhân, không tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết hôn ngày 02/4/2021 tại Uỷ ban nhân dân Phường 4, Đà Lạt. Hôn nhân hoàn toàn tự nguyện. Sau khi kết hôn thì vợ chồng chung sống tại nhà bố mẹ đẻ của Chị M. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, khoảng năm 2024 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cãi vã nhau. Khoảng tháng 01/2024 đến nay thì vợ chồng sống ly thân, ban đầu thì vẫn sống chung nhà, đến khoảng 02/2025 thì anh đã ra ở riêng cho đến nay. Mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, không thể hàn gắn được nay anh xác định không còn tình cảm với Chị M nữa nên Chị M đề nghị ly hôn thì anh cũng đồng ý ly hôn với Chị M.

Về con chung: Anh Th và Chị M có 01 con chung tên Lê Nguyễn Phúc Kh, sinh ngày 07/5/2021. Hiện nay con đang ở với Chị M. Ly hôn Chị M yêu cầu được quyền trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung đến khi con thành niên thì anh đồng ý giao con cho Chị M vì con còn nhỏ. Chị M yêu cầu anh phải cấp dưỡng nuôi con số tiền 2.000.000đ/tháng thì anh không đồng ý vì lương của anh thấp nên mức cấp dưỡng như vậy là cao. Tháng nào anh có nhiều thì anh sẽ cấp dưỡng cho con nhiều, tháng có ít thì anh sẽ cấp dưỡng cho con ít.

Về tài sản chung: Anh Th và Chị M không có tài sản chung, anh không yêu cầu Toà án giải quyết.

Về nợ chung: Vợ chồng không có nợ chung nên không yêu cầu Toà án giải quyết.

Quá trình thụ lý vụ án Tòa án đã tiến hành tiếp cận chứng cứ và hòa giải nhưng anh vắng mặt nên việc hòa giải không được.

Tại phiên tòa, Chị M xác định tình cảm vợ chồng không còn nên vẫn giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn đối với Anh Th; Về con chung Chị M xác định có 01 con chung tên Lê Nguyễn Phúc Kh, sinh ngày 07/5/2021. Hiện nay con đang ở với Chị M. Ly hôn Chị M yêu cầu được quyền trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung đến khi con thành niên, Chị M không yêu cầu Anh Th phải cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung và nợ chung Chị M không yêu cầu Toà án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 1- Lâm Đồng tham gia phiên toà phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán và Hội đồng xét xử. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của Chị M, cho Chị M ly hôn với Anh Th. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Lê Phúc Kh sinh ngày 07/5/2021 cho Chị M chăm sóc và nuôi dưỡng, vấn đề cấp dưỡng Chị M không yêu cầu nên không buộc Anh Th phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu, nên không xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Giữa chị Nguyễn Thị Tâm M và Anh Lê Viết Th có đăng ký kết hôn ngày 02/4/2021 tại Uỷ ban nhân dân Phường 4, Đà Lạt. Quá trình chung sống vợ chồng đã xảy ra nhiều mâu thuẫn, Chị M khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với Anh Th, nên xác định quan hệ tranh chấp ly hôn theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật dân sự năm 2015; bị đơn cư trú tại Phường Xuân Hương, Lâm Đồng nên căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 thì Toà án nhân dân Khu vực 1- tỉnh Lâm Đồng có thẩm quyền giải quyết tranh chấp nói trên.

[2] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn Anh Th đã được triệu tập hợp lệ trong quá trình giải quyết vụ án nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt nên căn cứ

theo quy định tại khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015 cần xét xử vắng mặt bị đơn theo thủ tục chung là phù hợp.

[3] Về nội dung:

[3.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Tâm M và Anh Lê Viết Th có đăng ký kết hôn ngày 02/4/2021 tại Uỷ ban nhân dân Phường 4, Đà Lạt trên cơ sở tìm hiểu tự nguyện. Theo trình bày của Chị M thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, khoảng 01 năm sau thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do Anh Th thường xuyên ăn nhậu, đánh đập vợ, xúc phạm gia đình vợ, nay vợ chồng đã sống ly thân, Chị M cho rằng mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, không thể hàn gắn được nay chị xác định không còn tình cảm với Anh Th nữa nên chị đề nghị ly hôn với Anh Th. Anh Th cũng thừa nhận quan hệ hôn nhân như Chị M trình bày, thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, khoảng năm 2024 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cãi vã nhau. Khoảng tháng 01/2024 đến nay thì vợ chồng sống ly thân, ban đầu thì vẫn sống chung nhà, đến khoảng 02/2025 thì anh đã ra ở riêng cho đến nay. Mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, không thể hàn gắn được nay anh xác định không còn tình cảm với Chị M nữa nên Chị M đề nghị ly hôn thì anh cũng đồng ý ly hôn với Chị M. Xét thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa Chị M và Anh Th đã trầm trọng kéo dài, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy căn cứ Điều 51, khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của Chị M xử cho Chị M và Anh Th được ly hôn là hoàn toàn phù hợp.

[3.2] Về con chung: Chị M và Anh Th thừa nhận có 01 con chung tên Lê Nguyễn Phúc Kh, sinh ngày 07/5/2021. Hiện nay con đang Chị M. Ly hôn bà M yêu cầu được quyền trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung đến khi con thành niên. Anh Th cũng thừa nhận vợ chồng có 01 con chung, ly hôn thì anh đồng ý giao con cho Chị M vì con còn nhỏ. Xét cháu Kh đang còn nhỏ rất cần sự quan tâm chăm sóc của trực tiếp từ người mẹ, đồng thời Anh Th cũng đồng ý giao con chung cho Chị M nên cần giao con Lê Nguyễn Phúc Kh cho Chị M được quyền trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục đến khi con thành niên là phù hợp.

Việc cấp dưỡng nuôi con: Trong quá trình giải quyết vụ án Chị M yêu cầu Anh Th phải cấp dưỡng nuôi con 2.000.000đ/tháng tuy nhiên tại phiên toà Chị M không yêu cầu Anh Th phải cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[3.3] Về tài sản chung: Chị M và Anh Th xác định vợ chồng không có tài sản chung nên không yêu cầu Toà án giải quyết.

[3.4] Về nợ chung: Chị M và Anh Th xác định không có nợ chung, không yêu cầu Toà án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về án phí: Chị M phải chịu 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28; Điều 147; khoản 2 Điều 227 và Điều 266 của Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015;

- Căn cứ Điều 51; Điều 53; khoản 1 Điều 56; Điều 57; Điều 58; Điều 81; Điều 82; Điều 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc "Ly hôn" của nguyên đơn chị Nguyễn Thị Tâm M đối với bị đơn Anh Lê Viết Th.

Xử:

1/Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Nguyễn Thị Tâm M và Anh Lê Viết Th được ly hôn.

2/Về con chung: Giao 01 con chung tên Lê Nguyễn Phúc Kh, sinh ngày 07/5/2021 cho chị Nguyễn Thị Tâm M có trách nhiệm trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng, giáo dục đến khi con thành niên. Chị M không yêu cầu Anh Th phải cấp dưỡng nuôi con.

Quyền đi lại thăm nom con, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con; quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con; thay đổi mức cấp dưỡng được thực hiện theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình.

3/Về án phí: Chị Nguyễn Thị Tâm M phải chịu 300.000đ *(Ba trăm ngàn đồng)* án phí dân sự sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ *(Ba trăm ngàn đồng)* Chị M đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Toà án số 0001961 ngày 02/4/2025 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Đà Lạt (nay là phòng Thi hành án dân sự Khu vực 1 - Lâm Đồng). Chị M đã nộp đủ án phí.

Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 *(mười lăm)* ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 *(mười lăm)* ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày niêm yết bản án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2, Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo các quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND Khu vực 1- LĐ;
- Phòng THA khu vực 1- Lâm Đồng;
- UBND Phường Xuân Hương- Đà Lạt;
- Các đương sự;
- Lưu: bộ phận lưu trữ, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

(đã ký)

Hoàng Thị Phương Chi